



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và
các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 8 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 8 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiều Nam
Ông Lars Kjaer
Ông Dominic Edward Salter Price

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 25 tháng 4 năm 2014)

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập các báo cáo tài chính, Ban Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính này.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

EC



Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 102.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập các báo cáo tài chính này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất lần lượt của Công ty và Tập đoàn, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-723



Amyan Phor

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2252-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn						
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16.428.327	11.198.630	7.247.661	12.352.670
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	5.166.415	5.698.563	517.251	1.379.279
Tiền	111		302.970	203.577	9.901	11.831
Các khoản tương đương tiền	112		4.863.445	5.494.986	507.350	1.367.448
Đầu tư ngắn hạn	120	14	4.042.212	3.287.000	239.614	-
Các khoản phải thu – ngắn hạn	130	8	5.176.907	975.138	6.390.439	10.893.087
Phải thu khách hàng	131		4.346.998	351.434	3.072.190	-
Trả trước cho người bán	132		341.231	360.236	134.636	139.141
Phải thu khác	135		490.742	265.252	3.183.613	10.753.946
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.064)	(1.784)	-	-
Hàng tồn kho	140	9	1.604.854	1.070.334	-	-
Hàng tồn kho	141		1.627.172	1.091.073	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.318)	(20.739)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		437.939	167.595	100.357	80.304
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.227	28.718	396	489
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		295.726	100.506	50.380	46.866
Thuế phải thu Nhà nước	154		21.343	-	19.222	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		50.643	38.371	30.359	32.949

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tài sản dài hạn						
(200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 269)	200		36.536.773	35.303.511	17.399.699	19.375.093
Các khoản phải thu – dài hạn	210	8	1.387.798	450.183	5.016.249	2.875.015
Phải thu dài hạn khác	218		1.387.798	450.183	5.016.249	2.875.015
Tài sản cố định	220		24.064.527	23.121.361	9.443	81.122
Tài sản cố định hữu hình	221	10	18.409.913	1.731.429	7.172	68.036
<i>Nguyên giá</i>	222		19.887.100	2.457.614	20.759	92.565
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.477.187)	(726.185)	(13.587)	(24.529)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	44.867	58.327	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300	67.300	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(22.433)	(8.973)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.798.696	1.288.672	2.271	3.065
<i>Nguyên giá</i>	228		2.262.894	1.597.069	4.532	4.214
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(464.198)	(308.397)	(2.261)	(1.149)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	3.811.051	20.042.933	-	10.021
Đầu tư dài hạn	250	14	8.745.176	10.761.467	12.322.338	16.355.220
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	3.389.914	7.422.796
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.597.526	10.757.867	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		147.650	3.600	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.546.918	533.381	51.669	63.736
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.369.592	403.353	42.288	53.311
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	117.491	87.572	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		59.835	42.456	9.381	10.425
Lợi thế thương mại	269	17	792.354	437.119	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		52.965.100	46.502.141	24.647.360	31.727.763

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		31.039.961	23.240.644	7.116.242	17.472.541
Nợ ngắn hạn	310		11.796.756	9.783.892	2.341.101	3.684.322
Vay và nợ ngắn hạn	311	18	6.042.278	6.635.910	567.960	2.311.300
Phải trả người bán	312		999.340	942.375	1.451	9.286
Người mua trả tiền trước	313		35.786	22.163	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	19	962.550	483.421	1.127	386
Phải trả nhân viên	315		258	20.387	-	-
Chi phí phải trả	316	20	1.862.531	1.578.366	215.239	479.911
Phải trả khác	319	21	1.894.013	101.270	1.555.324	883.439
Vay và nợ dài hạn	330		19.243.205	13.456.752	4.775.141	13.788.219
Nợ dài hạn khác	333	21	177.901	234.688	75.141	1.812.997
Vay và nợ dài hạn	334	22	17.521.970	12.067.096	4.700.000	11.975.222
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	932.787	1.151.716	-	-
Dự phòng dài hạn	337	23	610.547	3.252	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		15.016.083	14.432.969	17.531.118	14.255.222
Vốn chủ sở hữu	410	24	15.016.083	14.432.969	17.531.118	14.255.222
Vốn cổ phần	411	25	7.358.081	7.349.113	7.358.081	7.349.113
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	9.631.164	9.601.627	9.631.164	9.601.627
Vốn khác của chủ sở hữu	413	26	97.703	97.703	97.703	97.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(43.098)	-	-
Vốn khác	418		(9.142.752)	(8.929.770)	(1.586.675)	(1.586.675)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.071.887	6.357.394	2.030.845	(1.206.546)
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		6.909.056	8.828.528	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		52.965.100	46.502.141	24.647.360	31.727.763

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

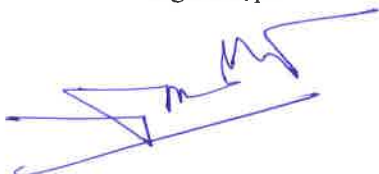
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các đơn vị tiền tệ khác VND là:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ:				
Đô la Mỹ (“USD”)	9.141.772	27.222.114	7.064	6.945
Đồng Euro (“EUR”)	179.401	7.547	-	-
Đô la Singapore (“SGD”)	-	621	-	621

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2014	2013	2014	2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	27	16.346.576	12.105.989	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	257.940	163.456	-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)	10	27	16.088.636	11.942.533	-	-
Giá vốn hàng bán	11	28	9.489.008	6.943.196	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)	20		6.599.628	4.999.337	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.570.967	664.121	4.259.505	1.239.232
Chi phí tài chính	22	30	1.710.991	606.785	922.574	1.868.462
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.464.722</i>	<i>417.378</i>	<i>909.287</i>	<i>1.713.259</i>
Chi phí bán hàng	24		2.864.837	1.981.587	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.048.358	889.580	106.550	337.596
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.546.409	2.185.506	3.230.381	(966.826)
Thu nhập khác	31	31	405.287	105.808	67.929	2.983
Chi phí khác	32	32	158.904	85.089	60.919	-
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		246.383	20.719	7.010	2.983
Lỗ từ các công ty liên kết	45	33	(53.061)	(192.781)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40 + 45) (mang sang trang sau)	50		2.739.731	2.013.444	3.237.391	(963.843)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

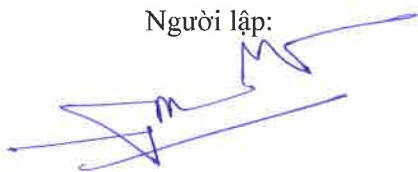
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2014	2013	2014	2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40 + 45) (mang sang từ trang trước)	50		2.739.731	2.013.444	3.237.391	(963.843)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	34	958.677	579.811	-	-
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	34	(255.988)	126.409	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.037.042	1.307.224	3.237.391	(963.843)
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		956.873	856.024	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		1.080.169	451.200	-	-
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	36	1.447	618	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VND		36	1.418	429	-	-

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2014	2013	2014	2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.739.731	2.013.444	3.237.391	(963.843)
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		1.120.817	488.632	12.185	32.657
Các khoản dự phòng	03		64.376	37.958	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		49.068	18.906	(121)	-
Lỗ từ thanh lý/xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		6.102	7.864	1.356	-
Thu nhập lãi từ tiền gửi và cổ tức	05		(404.953)	(391.541)	(3.970.465)	(1.231.138)
Thu nhập từ các hoạt động đầu tư	05		(1.111.073)	-	(286.587)	-
Bất lợi thương mại từ việc hợp nhất kinh doanh	05		-	(213.963)	-	-
Chi phí lãi vay	06		1.464.722	417.378	909.287	1.713.259
Lỗ từ các công ty liên kết	07		53.061	192.781	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.981.851	2.571.459	(96.954)	(449.065)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(202.202)	(239.025)	(1.510.445)	(1.278)
Biến động hàng tồn kho	10		(609.978)	(485.440)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(685.798)	47.826	1.396.875	73.961
Biến động chi phí trả trước	12		201.979	-	11.179	-
			2.685.852	1.894.820	(199.345)	(376.382)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.734.103)	(1.351.905)	(812.331)	(497.586)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(562.747)	(830.677)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(55.855)	(28.160)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		333.147	(315.922)	(1.011.676)	(873.968)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã	Thuyết số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2014	2013	2014	2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.708.702)	(3.840.386)	(1.411)	(18.003)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		32.300	1.573	23.183	-
Khoản vay cấp cho bên thứ ba	23		(235.799)	(424.788)	-	-
Khoản vay cấp cho các công ty con	23		-	-	(1.821.711)	(2.617.558)
Tiền thu hồi các khoản cho các công ty con vay	23		-	-	647.042	930.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(25.765.031)	(43.406.557)	(239.614)	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		24.685.669	42.325.557	-	68.000
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác	25		(1.174.308)	(639.046)	-	(1.881.403)
Tiền thu từ bán một công ty con cho một công ty con khác	26		-	-	818.000	-
Tiền thu từ chuyển nhượng lợi ích vốn chủ sở hữu trong các công ty con	26		(1.463)	-	-	-
Tiền thu từ mua một công ty con	26		57.401	-	-	-
Tiền thu từ chuyển nhượng lợi ích kinh tế của công ty con cho một bên thứ ba	26		-	1.061.862	-	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		434.094	484.084	559.159	57.669
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(4.675.839)	(4.437.701)	(15.352)	(3.461.295)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2014	2013	2014	2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	31		-	178.608	-	178.608
Tiền thu từ vốn góp/phát hành cổ phiếu mới trong các công ty con cho cổ đông thiểu số	31		507.943	3.274.210	-	-
Tiền chi mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	32		-	(3.490.092)	-	(3.490.092)
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		21.843.111	11.882.530	735.000	6.910.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng và các đơn vị khác	34		(16.929.786)	(7.011.216)	(570.000)	-
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	36		(272.457)	(74.448)	-	(44.000)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của một công ty con	36		(1.336.827)	(24.876)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		3.811.984	4.734.716	165.000	3.554.516
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(530.708)	(18.907)	(862.028)	(780.747)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		5.698.563	5.718.717	1.379.279	2.160.026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(1.440)	(1.247)	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	5.166.415	5.698.563	517.251	1.379.279

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

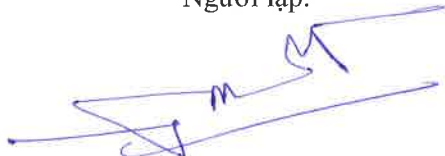
Mẫu B 03 – DN/HN

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	4.979	51.563	-	-
Phát hành cổ phiếu mới để thanh toán các công cụ nợ	38.562	1.962.319	38.562	-
Tài sản cố định tăng do tăng khoản dự phòng cho quyền khai thác mỏ	607.858	-	-	-
Chuyển đổi khoản vay phải thu từ một công ty con thông qua việc phát hành cổ phiếu mới	-	-	-	1.962.319
Chuyển lợi ích vốn chủ sở hữu của một công ty con sang một công ty con khác	-	-	3.591.682	6.949.241
Mua một công ty con từ công ty con khác	-	-	1.246.496	-
Khoản vay thanh toán cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản vay cho một công ty con khác	-	-	7.709.298	-
Cần trừ cổ tức với một công ty con	-	-	1.435.702	-
Góp vốn vào một công ty con thông qua chuyển đổi nợ gốc vay và khoản phải thu	-	-	376.800	-

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

EC

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings (“MCH”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (“MSC”)	Kinh doanh và phân phối	78,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San (“MSF”)	Kinh doanh và phân phối thực phẩm	78,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	78,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất gia vị	78,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Sản xuất thực phẩm tiện lợi	78,4%	74,2%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất gia vị	74%	70,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt (“MVP”) (i)	Sản xuất bao bì	-	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Beverage (ii)	Kinh doanh và phân phối nước giải khát	78,4%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan ĐN (iii)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	78,4%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB (iv)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	78,4%	-
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất và phân phối đồ uống	41,7%	39,5%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất đồ uống	50,1%	47,1%
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha	Sản xuất đồ uống	50,1%	47,1%
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San (“MH”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San (“MR”)	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến quặng	74,1%	75,9%
Công ty Cổ phần Masan Agri (“MA”) (v)	Tư vấn quản lý	-	37,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka (“Lamka”) (vi)	Sản xuất bia và nước giải khát	100%	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên (“Pybeco”) (vi)	Sản xuất bia và nước giải khát	99,99%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (i) Vào tháng 12 năm 2014, MSF đã bán 100% cổ phần trong MVP, một công ty con, cho một bên thứ ba với tổng khoản thanh toán là 500 tỷ VND. Giao dịch này dẫn đến Tập đoàn không nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu của MVP.
- (ii) Vào tháng 5 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312797567 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Beverage, một công ty con mới thành lập sở hữu 100% bởi MSC.
- (iii) Vào tháng 9 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan ĐN, một công ty con mới thành lập sở hữu 100% bởi MSC.
- (iv) Vào tháng 10 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2901738808 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB, một công ty con mới thành lập sở hữu 100% bởi MSF.
- (v) Vào tháng 5 năm 2014, Công ty đã mua 51% lợi ích vốn chủ sở hữu của MA từ MSC với tổng khoản thanh toán là 1.246.496 triệu VND. Do đó, lợi ích vốn chủ sở hữu thực tế của Công ty trong MA đã tăng từ 37,9% tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đến 51% tại ngày 31 tháng 5 năm 2014. Vào tháng 12 năm 2014, Công ty đã mua 49% lợi ích vốn chủ sở hữu còn lại của MA, và sau đó đã bán toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu của MA cho bên các thứ ba khác.
- (vi) Vào tháng 9 năm 2014, Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan), một công ty con của Công ty đã mua 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của Lamka, một công ty đang nắm giữ 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của Pybeco.

Tất cả các công ty con đều được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 32 nhân viên (31/12/2013: 38 nhân viên) và Tập đoàn có 7.047 nhân viên (31/12/2013: 7.297 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam và làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất (“Triệu VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

(ii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi Tập đoàn chia sẻ khoản lỗ của công ty liên kết theo phần sở hữu của Tập đoàn vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm về không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Khi sự thay đổi quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc Tài khoản Trá trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ, khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn, một số chi phí liên quan đến tài sản khoáng sản cụ thể như sau:

- Chi phí thăm dò, thăm định và phát triển được vốn hóa (bao gồm quy trình bóc dỡ đất đá phát triển mỏ) đối với các tài sản hiện đang sản xuất được vốn hóa;
- Chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất được vốn hóa (như được đề cập dưới đây trong ‘Chi phí bóc dỡ đất đá chờ kết chuyển’);
- Chi phí phục hồi mỏ; và
- Giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

Chi phí bóc dỡ đất đá chờ kết chuyển

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc dỡ lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc dỡ đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc dỡ đất đá phát triển mỏ) được vốn hóa vào chi phí mỏ đang xây dựng. Toàn bộ chi phí bóc dỡ đất đá phát triển mỏ đã vốn hóa trong tài sản đang xây dựng được kết chuyển vào tài sản khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc dỡ đất đá

Chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho đã sản xuất và tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng phế liệu ước tính trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Các chi phí này được vốn hóa vào tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất khi tỷ lệ bóc dỡ đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn. Tài sản bóc dỡ đất đá được phân loại là “tài sản khai thác khoáng sản khác”.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản là lượng sản phẩm ước tính có thể được khai thác có lãi và hợp pháp từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trong vòng 5 năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iv) Thương hiệu

Giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 đến 20 năm.

(v) Quan hệ khách hàng

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính dao động từ 5 đến 13 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh với giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Đối với phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, giá trị của tài nguyên nước khoáng được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 19 năm.

(vi) Quyền khai thác mỏ

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 2013/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng mỏ.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn tất công tác triển khai, mà thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành “máy móc và thiết bị” và “tài sản khai khoáng” trong tài sản cố định hữu hình.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Chi phí bồi thường đất

Chi phí bồi thường đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

(iv) Trục in, công cụ và dụng cụ

Trục in, công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ 1 đến 3 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(v) Chi phí vay

Chi phí hình thành khoản vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Quyền khai thác mỏ

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước lệ phí của quyền khai thác mỏ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá mỏ do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 2013/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Tiền cấp quyền khai thác mỏ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường. Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời và bản chất của mỏ.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và theo đó được khấu hao. Giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, từ đó dẫn đến một chi phí được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa bị trích khấu hao thiếu của các tài sản liên quan, trong đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và số điều chỉnh còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Tập đoàn và Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn và Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau :

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn và Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn và Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Các hợp đồng bảo lãnh tài chính được phân loại trong các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng chúng không được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Công cụ tài chính phái sinh

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro biến động giá nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ tại ngày ký kết hợp đồng phái sinh. Lãi hoặc lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận là doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) *Vốn khác*

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung, việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và ngày điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên bản khảo sát hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được kiểm tra bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi bản khảo sát của khách hàng nằm trong phạm vi sai sót đã được chấp nhận, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được phê duyệt bởi khách hàng dựa trên các điều khoản hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(t) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(u) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, lãi từ thanh lý lợi ích vốn chủ sở hữu và lãi chênh lệch tỷ giá và lãi công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí duy trì khoản vay, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(v) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(y) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty và cá nhân trực tiếp hay gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của Tập đoàn, bao gồm công ty chủ quản, các công ty con và các công ty con thành viên. Các công ty liên kết và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp, quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng trọng yếu đến công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt, bao gồm các giám đốc và nhân viên của Tập đoàn và các thành viên trong gia đình của các cá nhân và công ty liên kết với các cá nhân này cũng là các bên liên quan.

Việc xem xét mối quan hệ của bên liên quan can chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

(z) Chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo chia theo bộ phận kinh doanh

Tập đoàn có bốn (4) bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này đem đến các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Ban Giám đốc của Tập đoàn soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Thực phẩm và đồ uống
- Khai thác mỏ và chế biến

Tập đoàn cũng đầu tư và có ảnh hưởng đáng kể đối với một ngân hàng cổ phần và một tập đoàn vận hành các nhà máy thức ăn gia súc và cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng cho động vật. Ban Giám đốc của Tập đoàn xem Dịch vụ tài chính và Dinh dưỡng động vật là một bộ phận kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(a) Báo cáo theo bộ phận kinh doanh

	Thực phẩm và đồ uống		Dinh dưỡng động vật		Khai thác mỏ và chế biến		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu của bộ phận	13.262.905	11.942.533	-	-	2.825.731	-	-	-	16.088.636	11.942.533
Lợi nhuận gộp của bộ phận	5.828.734	4.999.337	-	-	739.419	-	-	-	6.568.153	4.999.337
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.666.839	2.774.956	194.773	183.016	(109.956)	(30.191)	(247.834)	(375.797)	2.503.822	2.551.984
Chi phí không phân bổ									(109.041)	(289.330)
Doanh thu hoạt động tài chính									754.437	87.264
Chi phí tài chính									(655.869)	(357.193)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm kết quả từ các công ty liên kết)									2.493.348	1.992.725
Thu nhập khác									405.287	105.808
Chi phí khác									(158.904)	(85.089)
Chi phí thuế thu nhập									(702.689)	(706.220)
Lợi nhuận thuần									2.037.042	1.307.224

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Thực phẩm và đồ uống		Dinh dưỡng động vật		Khai thác mỏ và chế biến		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản của bộ phận	15.108.276	12.923.825	-	2.152.932	24.199.705	20.376.937	8.357.101	8.604.935	47.665.082	44.058.629
Tài sản không phân bổ									5.300.018	2.443.512
Tổng tài sản									52.965.100	46.502.141
Nợ phải trả của bộ phận	10.963.588	7.952.295	-	-	9.891.791	7.870.718	-	-	20.855.379	15.823.013
Nợ phải trả không phân bổ									10.184.582	7.417.631
Tổng nợ phải trả									31.039.961	23.240.644
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi tiêu vốn	843.267	315.863	-	-	1.885.626	3.506.517	-	-	2.728.893	3.822.380
Khấu hao	278.654	227.483	-	-	612.488	38.051	-	-	891.142	265.534
Phân bổ	319.250	200.991	-	-	201.807	16.919	-	-	521.057	217.910

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận lần lượt không bao gồm tài sản thuế và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

2014

	Việt Nam Triệu VND	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) Triệu VND	Châu Âu Triệu VND	Châu Mỹ Triệu VND	Các vùng khác Triệu VND	Hợp nhất Triệu VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	13.841.739	1.026.750	767.363	253.091	199.693	16.088.636
Tài sản của bộ phận	52.965.100	-	-	-	-	52.965.100
Chi tiêu vốn	2.728.893	-	-	-	-	2.728.893

2013

Trong năm 2013, Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam bởi vì các cơ sở hoạt động, các khoản đầu tư và doanh thu đều phát sinh tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Hợp nhất kinh doanh

Mua Lamka

Vào tháng 9 năm 2014, một công ty con trong Tập đoàn, Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery đã hoàn tất việc mua 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của Lamka, một công ty nắm giữ 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của Pybeco với tổng số tiền thanh toán là 594 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua cổ phần này giúp Tập đoàn nắm giữ 100% và 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu lần lượt trong Lamka và Pybeco tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.995	-	57.995
Các khoản phải thu – ngắn hạn	5.939	-	5.939
Hàng tồn kho	30.694	-	30.694
Tài sản ngắn hạn khác	19.975	-	19.975
Tài sản cố định hữu hình	358.423	26.872	385.295
Tài sản cố định vô hình	927	8.105	9.032
Xây dựng cơ bản dở dang	2.799	-	2.799
Tài sản dài hạn khác	2.271	-	2.271
Lợi thế thương mại	96.996	(96.996)	-
Nợ phải trả hiện hành	(225.385)	-	(225.385)
Nợ phải trả dài hạn	(702.915)	-	(702.915)
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	-	(6.995)	(6.995)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	(352.281)	(69.014)	(421.295)
Tổng nợ phải trả thuần mua được			(421.295)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc thu mua (Thuyết minh 17)			421.889
Khoản thanh toán cho việc mua			594
Khoản thanh toán đã chi trả			(594)
Tiền mặt thu được			57.995
Tiền mặt thuần nhận được			57.401

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại chủ yếu là lợi thế cộng hưởng mà Ban Giám đốc dự kiến sẽ thu được khi Lamka được hợp nhất vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Bán các công ty con

(a) Bán MA

Vào tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã mua 49% lợi ích vốn chủ sở hữu còn lại của MA, một công ty đang nắm giữ 40% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc (“Proconco”), một công ty liên kết, với tổng số tiền thanh toán là 1.500 tỷ VND. Vào tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của MA. Vào cuối tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã hoàn tất việc bán 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA cho bên thứ ba, với số tiền 3.035.143 triệu VND. Theo đó, Tập đoàn đã không còn nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA và Proconco.

Việc bán này có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Tập đoàn tại ngày bán như sau:

	Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	477
Các khoản đầu tư ngắn hạn	83.500
Khoản phải thu khác	1.659
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.267.705
Thuế phải nộp Nhà nước	(357)
Chi phí phải trả	(467)
Tài sản thuần có thể xác định được đã bán	2.352.517
Lãi ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 29)	682.626
Giá bán	3.035.143
Phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*)	(3.035.143)
Tiền và các khoản tương đương tiền đã bán	(477)
Khoản tiền thuần đã bán	(477)

(*) Sau ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã nhận được 1.500 tỷ VND giá bán khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Bán MVP

Vào tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã bán 100% cổ phần trong MVP, một công ty con, cho một bên thứ ba với giá 500 tỷ VND. Theo đó, Tập đoàn không còn nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MVP.

Việc bán này có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Tập đoàn tại ngày bán như sau:

	Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	986
Các khoản đầu tư ngắn hạn	96.600
Các khoản phải thu	4.507
Hàng tồn kho	42.207
Tài sản ngắn hạn khác	1.319
Tài sản cố định hữu hình	15.901
Tài sản cố định vô hình	2.420
Tài sản dài hạn khác	4.515
Vay ngắn hạn	(65.884)
Các khoản phải trả	(9.080)
Người mua trả tiền trước	(16.294)
Thuế và các nghĩa vụ khác	(4.928)
Chi phí phải trả	(2.638)
Các khoản phải trả khác	(1.631)
Tài sản thuần có thể xác định được đã bán	68.000
Lãi ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 29)	428.447
Lãi ghi nhận vào vốn khác (Thuyết minh 14 (d)(iii))	3.553
Giá bán	500.000
Thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*)	(500.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền đã bán	(986)
Khoản tiền thuần đã bán	(986)

(*) Sau ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã nhận được 50 tỷ VND giá bán khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	1.432	3.367	124	470
Tiền gửi ngân hàng	301.538	200.210	9.777	11.361
Các khoản tương đương tiền	4.863.445	5.494.986	507.350	1.367.448
	5.166.415	5.698.563	517.251	1.379.279

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,4% đến 5,4% trong năm (31/12/2013: 6% đến 8% một năm đối với VND và 0,25% đến 0,5% một năm đối với USD).

Không có các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 28.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (xem Thuyết minh 22).

8. Các khoản phải thu – ngắn hạn và dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một phần của khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 18).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, trong khoản trả trước cho người bán có 61.723 triệu VND (31/12/2013: 194.417 triệu VND) liên quan đến trả trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Khoản phải thu từ bán các khoản bồi thường	256.200	-	-	-
Khoản phải thu phí thương mại từ các bên liên quan	142.244	142.244	3.168.668	10.734.312
Lãi trích trước phải thu từ các khoản tiền gửi	64.972	51.906	3.398	1.250
Thuế GTGT của thuế nhà thầu nước ngoài	-	11.947	-	6.837
Phải thu từ các dịch vụ	11.547	11.547	11.547	11.547
Phải thu khác	15.779	47.608	-	-
	490.742	265.252	3.183.613	10.753.946
Phải thu dài hạn khác				
Lãi dài hạn phải thu	4.712	25.395	-	-
Vay dài hạn phải thu	-	424.788	-	-
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan	-	-	5.016.249	2.875.015
Khác (*) (Thuyết minh 13)	1.383.086	-	-	-
	1.387.798	450.183	5.016.249	2.875.015

(*) Các khoản phải thu khác phản ánh khoản phải thu từ Nhà nước đối với chi phí bồi thường đất của Dự án Khai thác Khoáng sản Núi Pháo tại Xã Hà Thương, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản này sẽ được cân trừ với phí thuê đất hàng năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
Phải thu từ các bên liên quan khác				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	3.026.424	10.592.068
Phi thương mại – dài hạn	-	-	5.016.249	2.875.015

Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn của Tập đoàn từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu ngắn hạn – phi thương mại từ các bên liên quan khác của Công ty bao gồm:

- 2.247.291 triệu VND (31/12/2013: 2.003.529 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với số tiền là 1.962.319 triệu VND (31/12/2013: 1.962.319 triệu VND) và lãi phải thu tương đương 284.972 triệu VND (31/12/2013: 41.210 triệu VND). Khoản vay sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2015 và hưởng lãi suất năm là 12% (2013: 12% một năm);
- Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với nợ gốc vay là 487.500 triệu VND (31/12/2013: 487.500 triệu VND). Khoản vay này không chịu lãi và sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2015;
- 232.177 triệu VND (31/12/2013: 211.070 triệu VND) liên quan đến khoản vay 210.000 triệu VND (31/12/2013: 210.000 triệu VND) không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con và khoản lãi phải thu là 22.177 triệu VND (31/12/2013: 1.070 triệu VND). Khoản vay này sẽ đáo hạn trong năm 2015 và hưởng lãi suất năm là 10% (2013: 10% một năm);
- 25.018 triệu VND (31/12/2013: 22.755 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2015, được trích lãi từ khoản vay 620.000 triệu VND cấp cho một công ty con trong năm 2013 đã được hoàn trả gốc vay trong năm 2013; và
- 34.438 triệu VND (31/12/2013: 6.983.680 triệu VND) còn lại trong khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu hồi theo điều khoản của hợp đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản phải thu dài hạn phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng, bao gồm:

- (a) Khoản phải thu 1.074.265 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 liên quan đến phí duy trì hạn mức vay của các hợp đồng vay không đảm bảo với hạn mức là 218 triệu Đô la Mỹ và 2.200 tỷ VND cấp cho một công ty con. Trong năm, Công ty với các công ty con đã ký các thỏa thuận thay đổi bản chất của các phí duy trì hạn mức vay này thành các khoản chi phí lãi liên quan đến các khoản cho vay cấp cho các công ty con. Những khoản chi phí lãi phải thu này là 2.134.490 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và phải thu từ năm 2016 đến năm 2018. Số tiền 229.967 triệu VND (2013: Không) liên quan đến tiền gốc và lãi cho vay thu từ các khoản cho vay của Công ty trong năm.
- (b) 323.560 triệu VND (31/12/2013: 278.398 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2019, được trích lãi từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 và đã được hoàn trả trong năm 2012;
- (c) 2.245.113 triệu VND (31/12/2013: 1.072.169 triệu VND) liên quan đến các khoản vay 1.994.358 triệu VND (31/12/2013: 1.052.769 triệu VND) không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con và lãi phải thu là 250.755 triệu VND (31/12/2013: 19.400 triệu VND). Các khoản vay này đáo hạn vào năm 2018 và hưởng lãi suất năm là 12% (2013: 12% một năm);
- (d) 83.119 triệu VND (31/12/2013: 450.183 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay 79.569 triệu VND (31/12/2013: 424.788 triệu VND) không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con và lãi phải thu tương đương 3.550 triệu VND (31/12/2013: 25.395 triệu VND). Khoản vay hưởng lãi suất năm là 10,5% và sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2017 (2013: 10% đến 10,5% một năm).

9. Hàng tồn kho

	Tập đoàn	
	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	64.148	49.521
Nguyên vật liệu	599.438	381.333
Công cụ và dụng cụ	511.941	326.413
Sản phẩm dở dang	76.624	90.522
Thành phẩm	366.480	223.444
Hàng hóa tồn kho	5.097	19.840
Hàng hóa ký gửi	3.444	-
	1.627.172	1.091.073
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.318)	(20.739)
	1.604.854	1.070.334

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	20.739	11.991
Tăng dự phòng trong năm	67.433	38.187
Sử dụng dự phòng trong năm	(61.739)	(24.495)
Hoàn nhập	(3.488)	(4.944)
Bán một công ty con	(627)	-
Số dư cuối năm	22.318	20.739

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một phần hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Tài sản khai khoáng Triệu VND	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	-	627.019	94.220	71.834	1.605.642	58.899	2.457.614
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	75.021	45	1.633	307.884	712	385.295
Tăng trong năm	101.468	1.173	3.175	1.010	6.510	77	113.413
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.698.583	2.119.485	-	12.024	9.320.422	4.333	17.154.847
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	(481)	-	(481)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.561)	-	-	(3.018)	-	(4.579)
Thanh lý	-	(2.973)	(71.680)	(4.990)	(34.785)	(7.818)	(122.246)
Xóa sổ	-	(2.500)	-	(2.820)	(1.359)	(220)	(6.899)
Phân loại lại	-	660	-	615	(1.275)	-	-
Bán một công ty con	-	(10.832)	-	(1.822)	(76.469)	(741)	(89.864)
Số dư cuối năm	5.800.051	2.805.492	25.760	77.484	11.123.071	55.242	19.887.100

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Tài sản khai khoáng Triệu VND	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng Triệu VND
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	-	86.063	29.111	32.932	552.702	25.377	726.185
Khấu hao trong năm	171.419	106.252	9.774	10.245	582.643	8.422	888.755
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	(100)	-	(100)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(1.717)	-	(1.717)
Thanh lý	-	(2.299)	(19.809)	(2.756)	(24.760)	(6.042)	(55.666)
Xóa sổ	-	(2.367)	-	(2.820)	(901)	(219)	(6.307)
Phân loại lại	-	1.327	-	566	(1.490)	(403)	-
Bán một công ty con	-	(5.869)	-	(1.540)	(65.813)	(741)	(73.963)
Số dư cuối năm	171.419	183.107	19.076	36.627	1.040.564	26.394	1.477.187
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	-	540.956	65.109	38.902	1.052.940	33.522	1.731.429
Số dư cuối năm	5.628.632	2.622.385	6.684	40.857	10.082.507	28.848	18.409.913

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trị giá 131.143 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 128.897 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Không có tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn không được sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 1.547 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 33.679 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 48.573 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 815.204 triệu VND (31/12/2013: 676.017 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 18 và 22).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty:

	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	86.778	5.787	92.565
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.313	4.313
Thanh lý	(71.680)	(4.439)	(76.119)
Số dư cuối năm	15.098	5.661	20.759
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	21.979	2.550	24.529
Khấu hao trong năm	9.183	1.890	11.073
Thanh lý	(19.809)	(2.206)	(22.015)
Số dư cuối năm	11.353	2.234	13.587
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	64.799	3.237	68.036
Số dư cuối năm	3.745	3.427	7.172

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn

**Máy móc
và thiết bị
Triệu VND**

Nguyên giá

Số dư đầu năm và cuối năm	67.300
---------------------------	--------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	8.973
Khấu hao trong năm	13.460

Số dư cuối năm	22.433
----------------	--------

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	58.327
Số dư cuối năm	44.867

Một công ty con của Công ty đã thuê thiết bị thí nghiệm để thử nghiệm luyện kim theo thỏa thuận thuê tài chính (Thuyết minh 22(d)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Nhãn hiệu Triệu VND	Quan hệ khách hàng Triệu VND	Nguồn nước khoáng Triệu VND	Quyền khai khoáng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	173.793	39.964	702.866	375.110	305.336	-	1.597.069
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	927	8.105	-	-	-	9.032
Tăng trong năm	-	3.505	1.500	-	-	588.373	593.378
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	67.048	-	-	-	-	67.048
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(50)	-	-	-	-	(50)
Xóa sổ	(31)	(44)	-	-	-	-	(75)
Bán một công ty con	(3.508)	-	-	-	-	-	(3.508)
Số dư cuối năm	170.254	111.350	712.471	375.110	305.336	588.373	2.262.894
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	20.194	17.363	125.665	142.788	2.387	-	308.397
Khấu hao trong năm	4.947	12.981	62.710	68.319	2.603	5.369	156.929
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(18)	-	-	-	-	(18)
Xóa sổ	-	(22)	-	-	-	-	(22)
Bán một công ty con	(1.088)	-	-	-	-	-	(1.088)
Số dư cuối năm	24.053	30.304	188.375	211.107	4.990	5.369	464.198
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	153.599	22.601	577.201	232.322	302.949	-	1.288.672
Số dư cuối năm	146.201	81.046	524.096	164.003	300.346	583.004	1.798.696

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình là tài sản trị giá 15.031 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 7.274 triệu VND), những vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 70.093 triệu VND (31/12/2013: 72.958 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 18).

Công ty:

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.214
Tăng trong năm	318
Số dư cuối năm	4.532
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.149
Khấu hao trong năm	1.112
Số dư cuối năm	2.261
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.065
Số dư cuối năm	2.271

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn		Công ty	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	20.042.933	15.317.924	10.021	71.628
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.799	1.047	-	-
Tăng trong năm	3.356.972	5.094.361	1.093	16.009
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.154.847)	(340.323)	(4.313)	(74.844)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(67.048)	(15.097)	-	(2.161)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(6.594)	(5.779)	-	(570)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(972.598)	(9.200)	(63)	(41)
Thanh lý	(5.263)	-	(4.521)	-
Xóa sổ	(2.217)	-	(2.217)	-
Bồi thường chi phí tái định cư, chuyển sang khoản phải thu khác (Thuyết minh 8)	(1.383.086)	-	-	-
Số dư cuối năm	3.811.051	20.042.933	-	10.021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có xây dựng cơ bản dở dang được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (31/12/2013: 176.983 triệu VND) (xem Thuyết minh 18).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 412.373 triệu VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.117.239 triệu VND).

14. Các khoản đầu tư

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	3.389.914	7.422.796
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	8.597.526	10.757.867	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác (b)	147.650	3.600	-	-
	8.745.176	10.761.467	12.322.338	16.355.220
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	4.042.212	3.287.000	239.614	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn trên ba tháng nhưng không quá mười hai tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,9% đến 7% (2013: dao động từ 6% đến 8%) trong năm.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (*)	-	3.591.682
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan) (**)	-	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	2.873.314	2.873.314
	3.389.914	7.422.796

(*) Trong tháng 5 năm 2014, Công ty đã chuyển 21,39% lợi ích vốn chủ sở hữu còn lại của MSC theo nguyên giá cho MCH với tổng số tiền thanh toán là 3.591.682 triệu VND. Công ty đã chuyển các khoản nợ còn tồn đọng và khoản lãi phải trả có liên quan của MSC cho MCH.

(**) Trong tháng 9 năm 2014, Công ty đã chuyển toàn bộ khoản cho vay còn tồn đọng và khoản lãi phải thu tương đương 376.800 triệu VND vào vốn góp cho Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery. Sau đó vào tháng 12 năm 2014, Công ty đã chuyển toàn bộ 100% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery theo nguyên giá cho MCH với tổng số tiền là 818.000 triệu VND.

Chi tiết các công ty con được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Khu 1, Thôn Suối Đa, Xã Dương Tô, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San Beverage	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San DN	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San MB	Khu B, Khu Công nghiệp Năm Cam – Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha	Km số 37, Quốc lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan)	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Phú Yên	Khu Công nghiệp Hòa Hiệp, Xã Hòa Hiệp Bắc, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(a) Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) (*)	8.357.101	8.604.935	8.932.424	8.932.424
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc Proconco ("Proconco") (**)	-	2.152.932	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("Cholimex") (***)	240.425	-	-	-
	8.597.526	10.757.867	8.932.424	8.932.424

(*) Khoản đầu tư vào Techcombank phản ánh khoản đầu tư tương đương 30,36% (31/12/2013: 30,36%) lợi ích kinh tế thực tế của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lợi ích kinh tế thực tế của Tập đoàn bao gồm 15,64% thông qua lợi ích vốn chủ sở hữu và 14,72% thông qua trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 10 năm phát hành bởi Techcombank mà Công ty đã đồng ý chuyển đổi một cách bắt buộc và không thể hủy ngang trong thời hạn chuyển đổi, theo các quy định pháp lý và các thông lệ được chấp thuận.

(**) Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: nắm giữ 15,14%), do kết quả từ việc bán MA, một công ty hiện nắm giữ 40% lợi ích trực tiếp trong Proconco.

(***) Trong tháng 12 năm 2014, MSF, một công ty con của Công ty đã mua 32,84% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Cholimex, với giá 239.420 triệu VND chưa bao gồm chi phí giao dịch.

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Techcombank	Proconco	Cholimex	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	8.604.935	2.152.932	-	10.757.867
Chia lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết trong năm	(247.834)	194.773	-	(53.061)
Cổ tức đã nhận	-	(80.000)	-	(80.000)
Bán khoản đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh 6 (a))	-	(2.267.705)	-	(2.267.705)
Mua một công ty liên kết	-	-	240.425	240.425
Số dư cuối năm	8.357.101	-	240.425	8.597.526

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết của các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	Tập đoàn	
	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	144.050	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.600	3.600
	147.650	3.600

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Việt Nam Đồng, có kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm dao động từ 7,2% đến 7,7% trong năm.

(c) Các giao dịch với các công ty con trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 – các giao dịch với cổ đông thiểu số

(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MSC

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, KKR Masan Aggregator L.P, một chi nhánh của Kohlberg Kravis Roberts & Co. L.P. (“KKR”), đã mua cổ phiếu mới do MSC phát hành. Cùng với việc phát hành cổ phiếu, MSC đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư để phát hành thêm cổ phiếu dựa trên những điều kiện định giá nhất định liên quan đến lợi nhuận của MSC năm 2013. Số cổ phiếu phải phát hành thêm đó đã làm suy giảm lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tuy nhiên, trong năm 2014, nhà đầu tư đã hủy bỏ yêu cầu này dẫn đến lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong MSC tăng trở lại mức 77,4%, dẫn đến các ảnh hưởng như sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua	-
Tài sản thuần tăng thêm	512.575
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	512.575

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Vào tháng 5 năm 2014, MSC đã thanh lý khoản đầu tư vào MA bằng cách chuyển cổ phần trong MA cho Công ty. Vì vậy, MCH đã chia nguồn quỹ khác trong giao dịch này cho lợi ích cổ đông thiểu số, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Phân bổ vốn khác từ việc thanh lý khoản đầu tư trong MA	7.135
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	7.135

Vào tháng 6 năm 2014, MSC đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên theo kế hoạch chi trả thù lao bằng cổ phiếu cho nhân viên sau khi nhận được phê duyệt của các cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà không được đăng ký mua bởi Tập đoàn	39.905
Tài sản thuần suy giảm	(74.832)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(34.927)

Vào tháng 7 năm 2014, MSC đã mua thêm 0,44% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”) với số tiền là 568 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(568)
Tài sản thuần tăng thêm	2.144
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	1.576

Trong năm, MCH đã mua thêm 1,56% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MSC từ cổ đông thiểu số với số tiền là 695.068 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(695.068)
Tài sản thuần tăng thêm	201.422
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(493.646)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Vào tháng 12 năm 2014, MSC đã mua lại 18.000.000 cổ phiếu quỹ từ MCH và cổ đông thiểu số với tổng số tiền lần lượt là 1.253.687 triệu VND và 386.566 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. Do đó, lợi ích kinh tế của MCH trong MSC đã tăng tương đương 0,03% và quỹ khác đã tăng 15.921 triệu VND.

Vào tháng 12 năm 2014, MCH đã chia nguồn quỹ khác từ các giao dịch của MSC cho cổ đông thiểu số, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Tài sản thuần tăng thêm	(1.111)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(1.111)

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MA

Vào tháng 12 năm 2014, MSN đã mua 49% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA với tổng số tiền là 1.502.060 triệu VND, dẫn đến các ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(1.502.060)
Tài sản thuần tăng thêm	1.152.733
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(349.327)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MR

Từ tháng 2 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014, MR đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên theo kế hoạch chi trả thù lao bằng cổ phiếu cho nhân viên sau khi nhận được phê duyệt của các cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Tổng thể lợi ích thực tế của Tập đoàn trong MR giảm từ 75,9% đến 74,2%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua, sau đó cần trừ các chi phí giao dịch	12.436
Tài sản thuần suy giảm	(204.652)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(192.216)

Biến động vốn khác trong năm như sau

	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	(8.929.770)
Giảm lợi ích của cổ đông thiểu số tại MSC	(24.319)
Lãi được ghi nhận trong vốn khác từ việc bán cổ phiếu trong một công ty con của MSC (Thuyết minh 6)	3.553
Lỗ được ghi nhận trong vốn khác khi mua 49% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA	(349.327)
Chuyển vốn khác vào lợi nhuận chưa phân phối do kết quả từ việc bán 100% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA	349.327
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong MR	(192.216)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	(9.142.752)

Hơn nữa, trong năm 2014, MCH đã cấp quyền mua lợi ích vốn chủ sở hữu trong MCH trị giá 525.900 triệu VND cho PENM III Germany GmbH & Co. KG tại giá đã được thỏa thuận trước và có thể được thực hiện sau 4 năm. MCH có khả năng thanh toán bằng cách lựa chọn bán giao cổ phiếu sơ cấp của MCH hoặc cổ phiếu thứ cấp sở hữu bởi Công ty hoặc các bên khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Các giao dịch với các công ty con trong năm 2013

(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MSC

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2013, Công ty đã mua thêm 0,45% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MSC, một công ty con, từ cổ đông thiểu số với số tiền là 207.462 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(207.462)
Tài sản thuần tăng thêm	48.032
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(159.430)

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, KKR Masan Aggregator L.P, một chi nhánh của KKR, đã mua cổ phiếu mới do MSC phát hành tương đương 4,35% của số cổ phiếu sau khi phát hành với giá trị là 2.272.364 triệu VND. Ảnh hưởng suy giảm của việc Tập đoàn không đăng ký mua các cổ phiếu mới do MSC phát hành như sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua, sau đi căn trừ các chi phí giao dịch	2.204.951
Tài sản thuần suy giảm	(866.541)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	1.338.410

Cùng với việc phát hành vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, MSC đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư để phát hành thêm cổ phiếu dựa trên những điều kiện định giá nhất định liên quan đến lợi nhuận của MSC năm 2013. Số cổ phiếu sẽ phải phát hành thêm đó đã làm cho lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong MSC suy giảm như sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua	-
Tài sản thuần suy giảm	(512.575)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(512.575)

Trong thời hạn 6 năm kể từ ngày giao dịch có hiệu lực, nếu MSC không hoàn tất việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo các yêu cầu trong thỏa thuận trước đó, nhà đầu tư sẽ có quyền chọn bán toàn bộ hoặc đổi một phần cổ phiếu MSC để lấy cổ phiếu của Công ty theo tỷ lệ đã thỏa thuận trước đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nếu nhà đầu tư không thực hiện quyền chọn bán này trong thời hạn hiệu lực, Công ty có quyền mua cổ phiếu MSC từ nhà đầu tư trong khoảng thời gian một năm sau khi kết thúc thời hạn của quyền chọn bán bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu của Công ty hoặc 50% bằng cổ phiếu với giá trị đã được thỏa thuận trước với nhà đầu tư. Để tránh khỏi quan ngại, quyền chọn mua sẽ chấm dứt hiệu lực nếu MSC đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và đáp ứng một số yêu cầu thỏa thuận trước.

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2013, MSC đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên theo kế hoạch thù lao bằng cổ phiếu cho nhân viên sau khi nhận được sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà Tập đoàn không đăng ký mua	19.950
Tài sản thuần suy giảm	(44.975)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(25.025)

Vào ngày 26 tháng 8 năm 2013, MSC đã ký kết thỏa thuận với Vietnam Growth Capital Pte.Ltd., (“TPG”) để bán 49% cổ phần của MA, một công ty con của MSC, nắm giữ 40% lợi ích trực tiếp trong Proconco. TPG đã thanh toán khoản tiền là 1.061.862 triệu VND để mua lượng cổ phần đó từ MSC, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá bán	1.061.862
Tài sản thuần suy giảm	(1.027.277)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	34.585

Như một phần của giao dịch, Công ty đã cấp cho TPG một quyền chọn để bán 49% cổ phần của MA đổi lấy cổ phiếu của Công ty sau ba năm kể từ ngày giao dịch. Số lượng cổ phiếu được phát hành trong sự kiện này sẽ được thực hiện dựa trên giá thị trường cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu mà cho phép TPG hưởng mức một mức lợi tức nhất định dựa trên giá trị khoản đầu tư đã chi trả. Ngoài ra, TPG cũng cấp cho Công ty một quyền chọn mua 49% cổ phần và các lợi ích khác mà TPG có thể thu được từ MA. Quyền chọn mua này có thể thực hiện trong vòng 30 ngày sau 3 năm kể từ ngày kết thúc giao dịch đầu tiên, với số tiền bằng VND tương đương với giá mua cộng với khoản tiền mà cho phép TPG hưởng mức lợi tức nhất định dựa trên tổng giá mua và tất cả vốn góp của TPG.

Ngoài ra, dựa trên các điều kiện nhất định, Công ty cấp cho TPG một quyền chọn để đăng ký mua cổ phiếu tương đương với giá trị lớn hơn giữa 25% giá mua ban đầu hoặc giá trị hợp lý của quyền chọn này dựa trên giá trị cổ phiếu là 90.000 VND một cổ phiếu.

Trong năm 2014, Công ty và TPG đã ký kết thỏa thuận trong đó TPG đồng ý hủy bỏ tất cả quyền chọn mà Công ty đã cấp cho TPG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MR

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, BI Private Equity New Market III K/S (“PENM II”) đã đăng ký mua 15.902.430 cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc của MR với số tiền là 520.709 triệu VND. Bên nắm giữ các cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc này sẽ được trả cổ tức hàng năm cố định dao động từ 3% đến 10% trên vốn gốc và các cổ phiếu ưu đãi này bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong vòng 4 năm. Các cổ phiếu ưu đãi này cũng cho PENM II quyền được nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ và sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong trường hợp MR bị giải thể.

Như một phần của thỏa thuận, MR có thể thực hiện quyền chuyển đổi hoặc buộc phải chuyển đổi số cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông theo các điều khoản của thỏa thuận.

Giữa tháng 4 và tháng 6 năm 2013, MR đã phát hành 99.182.832 cổ phiếu phổ thông trong nhiều đợt với mức giá 18.726 VND một cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của MR với số tiền là 1.857.297 triệu VND. Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San, một công ty con của Công ty, PENM II và Công ty MRC Limited, một công ty đầu tư được quản lý bởi Mount Kellett Capital Management LP, đã mua lần lượt là 89.391.298 cổ phiếu, 3.180.486 cổ phiếu và 6.611.048 cổ phiếu với số tiền lần lượt là 1.673.941 triệu VND, 59.558 triệu VND và 123.798 triệu VND.

Vào tháng 7 năm 2013, MR đã phát hành 29.420.151 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND một cổ phiếu cho Công ty MRC Limited, với khoản tiền mặt tương đương 294.202 triệu VND. Thỏa thuận này là một phần của việc điều chỉnh vốn chủ sở hữu từ giao dịch ngày 16 tháng 3 năm 2011 giữa MR và Công ty MRC Limited.

Vào tháng 8 năm 2013, Tập đoàn đã ký kết các thỏa thuận để thay đổi và thực hiện quyền chọn mua và mua 100% cổ phiếu của MR từ Dragon Capital với khoản tiền tương đương 899.175 triệu VND được chi trả bằng tiền mặt.

Trong tháng 12 năm 2013, MR đã phát hành cổ phiếu cho một vài nhân viên theo kế hoạch chi trả cổ phiếu cho nhân viên sau khi được phê duyệt của các cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Trong năm, một công ty con của công ty, Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San đã mua 8.392.857 cổ phiếu mà MR phát hành theo kế hoạch chi trả thù lao bằng cổ phiếu với số tiền là 123.342 triệu VND.

(f) Các giao dịch với các công ty con trong những năm trước

(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MSC

Vào ngày 7 tháng 4 năm 2011, KKR thông qua Công ty MC Holdings II (Cayman) Limited đã mua cổ phiếu mới do MSC phát hành tương đương 10% cổ phần sau khi phát hành với giá trị là 3.327.552 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Cùng với việc phát hành trên, Công ty đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư, trong đó nếu việc định giá vốn chủ sở hữu của MSC căn cứ trên 16 lần của lợi nhuận của năm 2011 không đạt được mức định giá của MSC đã thỏa thuận ban đầu, Công ty sẽ chuyển một số cổ phiếu nhất định của MSC cho nhà đầu tư để đạt được mức định giá thực tế là 16 lần lợi nhuận của năm 2011. Ngoài ra, nếu tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của MSC trong giai đoạn các năm 2011-2013 thấp hơn tỉ lệ sinh lợi nội bộ đã thỏa thuận ở mức 20% bằng tiền VND hoặc 15% bằng tiền Đô la Mỹ theo cách chọn lựa của Công ty, Công ty cũng sẽ chuyển giao một số lượng cổ phiếu MSC nhất định thuộc sở hữu Công ty cho nhà đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận từ năm 2011-2013 của MSC vượt trên mức tỷ lệ sinh lợi nội bộ đã thỏa thuận ban đầu và Công ty không có nghĩa vụ pháp lý để chuyển nhượng cổ phiếu của MSC cho nhà đầu tư.

Trong thời hạn 6 năm kể từ ngày giao dịch có hiệu lực, nếu MSC không hoàn tất việc phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng, theo quy định trong thỏa thuận, nhà đầu tư sẽ có quyền chọn bán cổ phiếu MSC để đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong một thời gian nhất định. Nếu nhà đầu tư không thực hiện quyền chọn bán này trong thời hạn hiệu lực, Công ty có thể mua cổ phiếu MSC từ nhà đầu tư trong khoảng thời gian một năm sau khi kết thúc thời hạn của quyền chọn bán bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu của Công ty hoặc 50% bằng cổ phiếu với giá trị đã được thỏa thuận trước với nhà đầu tư.

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MR

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2011, Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRC Limited đã đăng ký mua cổ phiếu mới của MR bằng tiền có giá trị là 100 triệu Đô la Mỹ tương đương 2.059.120 triệu VND. Nhà đầu tư đã sở hữu 20% lợi ích trong MR. Cùng với giao dịch này, Tập đoàn đầu tư 487.500 triệu VND vào MR để mua cổ phiếu phổ thông mới phát hành. Công ty cũng cấp cho nhà đầu tư quyền bán 20% quyền sở hữu trong MR đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong trường hợp MR chưa được niêm yết trong vòng 4,5 năm sau khi kết thúc giao dịch. Số cổ phiếu phát hành trong trường hợp quyền bán được thực hiện sẽ được căn cứ theo giá giao dịch cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu để cho phép nhà đầu tư thu được tỉ lệ sinh lợi nhất định, dựa trên khoản đầu tư bằng Đô la Mỹ.

Một thỏa thuận điều chỉnh vốn chủ sở hữu cũng được bao gồm trong hợp đồng trên, trong đó dựa trên các điều kiện thỏa thuận nhất định, MR phải phát hành thêm một lượng cổ phiếu cho nhà đầu tư.

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2013, Công ty MRC Limited đã mua thêm 29.420.151 cổ phiếu phổ thông do MR phát hành với giá mua là 10.000 VND một cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Chi phí trước hoạt động Triệu VND	Chi phí đất trả trước Triệu VND	Chi phí bồi thường đất Triệu VND	Trục in Triệu VND	Công cụ và dụng cụ Triệu VND	Chi phí vay Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Chi phí khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	58.796	2.226	-	1.143	25.980	306.817	-	8.391	403.353
Tăng trong năm	-	-	-	4.675	8.002	232.227	-	7.875	252.779
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	1.856	1.856
Chuyển từ/(sang) xây dựng cơ bản dở dang	313.184	-	660.515	-	(1.164)	-	-	63	972.598
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	2.862	-	-	-	2.862
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	32	-	-	-	32
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	5.710	-	-	-	5.710
Chuyển từ tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	43.190	-	43.190
Phân bổ trong năm	(86.995)	(55)	(27.521)	(3.247)	(23.347)	(153.000)	(7.263)	(3.120)	(304.548)
Thanh lý	-	-	-	(475)	(3.117)	-	-	(74)	(3.666)
Xóa sổ	-	-	-	-	(208)	-	-	-	(208)
Bán các công ty con	-	-	-	(2.050)	(2.316)	-	-	-	(4.366)
Số dư cuối năm	284.985	2.171	632.994	46	12.434	386.044	35.927	14.991	1.369.592

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty

	Chi phí vay Triệu VND	Chi phí khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	52.812	499	53.311
Tăng trong năm	6.000	7.041	13.041
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	63	63
Thanh lý	-	(74)	(74)
Phân bổ trong năm	(22.843)	(1.210)	(24.053)
Số dư cuối năm	35.969	6.319	42.288

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận*

	<u>Tập đoàn</u>	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chiết khấu hàng bán phải trả	12.770	8.891
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	71.916	57.987
Chi phí vận chuyển phải trả	19.116	9.486
Chi phí phải trả khác	9.988	9.755
Lợi nhuận chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	3.701	1.453
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	117.491	87.572
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Xây dựng cơ bản dở dang	(730.050)	(751.021)
Tài sản cố định hữu hình	(19.111)	(15.954)
Tài sản cố định vô hình	(183.626)	(194.506)
Thu nhập lãi phải trả	-	(190.235)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(932.787)	(1.151.716)
	(815.296)	(1.064.144)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	Tập đoàn				
	31/12/2013	Tăng từ	Bán một	Được ghi	31/12/2014
	Triệu VND	hợp nhất	công ty con	nhận vào	Triệu VND
		kinh doanh	Triệu VND	thu nhập	
		Triệu VND		Triệu VND	
Chiết khấu hàng bán phải trả	8.891	-	-	3.879	12.770
Chi phí khuyến mãi và quảng cáo phải trả	57.987	-	-	13.929	71.916
Chi phí vận chuyển phải trả	9.486	-	-	9.630	19.116
Chi phí phải trả khác	9.755	-	(145)	378	9.988
Lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	1.453	-	-	2.248	3.701
Xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	-	-	20.971	(730.050)
Tài sản cố định hữu hình	(15.954)	(5.374)	-	2.217	(19.111)
Tài sản cố định vô hình	(194.506)	(1.621)	-	12.501	(183.626)
Thu nhập lãi phải trả	(190.235)	-	-	190.235	-
	(1.064.144)	(6.995)	(145)	255.988	(815.296)

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí phải trả khác	1.115	19.934	(546)	19.934
Lỗi tính thuế	454.319	286.888	269.953	264.527
	455.434	306.822	269.407	284.461

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực trong năm năm kể từ năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn và Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Lỗi tính thuế hết hiệu lực trong các năm như sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Số lỗi được khấu trừ	
		<u>Tập đoàn</u> Triệu VND	<u>Công ty</u> Triệu VND
2015	Chưa quyết toán	18.950	-
2016	Chưa quyết toán	196.687	215.633
2017	Chưa quyết toán	224.049	203.899
2018	Chưa quyết toán	864.352	782.864
2019	Chưa quyết toán	773.078	24.665
		2.077.116	1.227.061

17. Lợi thế thương mại

	<u>Tập đoàn</u> 31/12/2014 Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	520.945
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	421.889
Số dư cuối năm	942.834
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	83.826
Phân bổ trong năm	66.654
Số dư cuối năm	150.480
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	437.119
Số dư cuối năm	792.354

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn	5.329.971	4.245.567	-	2.123.200
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	712.307	2.390.343	567.960	188.100
	6.042.278	6.635.910	567.960	2.311.300

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa năm	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn						
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4%-4,8%	3.327.030	2.088.838	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	5,5%	1.035.382	968.762	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	EUR	-	-	1.080	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	3%-6,2%	928.228	287.712	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	8,5%	39.331	-	-	-
Hối phiếu nhận nợ	VND		-	899.175	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	15%	-	-	-	2.123.200
			5.329.971	4.245.567	-	2.123.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản sau của Tập đoàn:

- (i) Hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 18 triệu USD, tương đương 384.570 triệu VND (31/12/2013: 165,5 triệu VND và 30,5 triệu USD, tương đương 642.940 triệu VND).
- (ii) Tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 885.297 triệu VND (31/12/2013: 925.958 triệu VND). Một phần của những tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 853.081 triệu VND (31/12/2013: 885.745 triệu VND) cũng được sử dụng để đảm bảo cho những khoản vay dài hạn tương ứng với các khoản đảm bảo được trình bày ở Thuyết minh 22.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	736.476	334.003	-	-
Thuế giá trị gia tăng	78.677	91.603	-	-
Thuế tài nguyên thiên nhiên	70.461	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.669	27.112	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.451	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	7.457	3.332	-	-
Các loại thuế khác	9.359	27.371	1.127	386
	962.550	483.421	1.127	386

20. Chi phí phải trả

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lãi vay phải trả	507.510	423.814	192.767	303.400
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	476.995	279.737	-	-
Chi phí phải trả cho công trình xây dựng	192.614	66.563	-	-
Thưởng và lương tháng 13	112.489	198.675	-	-
Chi phí vận chuyển	103.563	46.056	-	-
Thuế nhà thầu	79.257	33.729	334	5.251
Chiết khấu bán hàng	70.622	49.653	-	-
Phí tư vấn	55.044	104.365	21.328	32.476
Chi phí phải trả cho hàng tồn kho đã mua	10.401	16.252	-	-
Khác	254.036	359.522	810	138.784
	1.862.531	1.578.366	215.239	479.911

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Phải trả khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	104	155	-	155
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	935	1.509	155	-
Mua cổ phiếu trong một công ty con và công ty liên kết	1.739.738	43.398	1.500.558	-
Cổ tức phải trả	54.672	902	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác cho một công ty con	-	-	-	883.284
Khác	98.564	55.306	54.611	-
	1.894.013	101.270	1.555.324	883.439
Nợ phải trả dài hạn khác				
Phải trả dài hạn (a)	93.043	157.610	14.580	27.076
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (b) (Thuyết minh 26)	60.561	60.561	60.561	60.561
Ký quỹ dài hạn	24.297	16.517	-	-
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	-	1.725.360
	177.901	234.688	75.141	1.812.997

- (a) Khoản phải trả dài hạn của Tập đoàn và Công ty tương đương 14.580 triệu VND (31/12/2013: 27.076 triệu VND) bao gồm khoản lãi gộp liên quan đến một số công cụ được trình bày trong Thuyết minh 26, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong mỗi kỳ sáu tháng từ ngày giải ngân của công cụ đó. Số dư còn lại 78.463 triệu VND (31/12/2013: 130.534 triệu VND) bao gồm trong khoản phải trả dài hạn của Tập đoàn liên quan đến khoản cổ tức cố định phải trả cho các cổ phiếu ưu đãi bắt buộc chuyển đổi do một công ty con phát hành được trình bày trong Thuyết minh 14(e)(ii).
- (b) Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu thể hiện khoản nợ phải trả để phát hành thêm một lượng cổ phiếu không cố định như đã được trình bày trong Thuyết minh 26.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Vay và nợ dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay dài hạn (a)	4.015.513	8.519.274	-	6.286.800
Các khoản vay được chuyển đổi (b)	567.960	1.176.522	567.960	1.176.522
Trái phiếu có đảm bảo (c)	13.600.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
Nợ thuê tài chính (d)	50.804	61.643	-	-
	18.234.277	14.457.439	5.267.960	12.163.322
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	(712.307)	(2.390.343)	(567.960)	(188.100)
Hoàn trả sau 12 tháng	17.521.970	12.067.096	4.700.000	11.975.222

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

				Tập đoàn		Công ty	
	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
a. Vay dài hạn							
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	10% - 14,5%	2015-2017	276.637	2.674.117	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	Libor + 3,5% -	2016	3.738.876	5.845.157	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	10,5% - 13,0%	2016-2018	-	-	-	6.286.800
				4.015.513	8.519.274	-	6.286.800
b. Trái phiếu có thể chuyển đổi có đảm bảo:							
International Finance Corporation (b.1)	VND	8,0% - 20,4%	2014-2016	-	608.562	-	608.562
Jade Dragon (Mauritius) Limited (b.2)	USD	2,0% - 6,0%	2015	567.960	567.960	567.960	567.960
				567.960	1.176.522	567.960	1.176.522
c. Trái phiếu có đảm bảo	VND	8% - 12,5%	2016-2024	13.600.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
d. Nợ thuê tài chính							
	VND	14%	2018	50.804	61.643	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản vay dài hạn của Tập đoàn bao gồm:
- (i) các khoản vay bằng VND là 276.637 triệu VND (31/12/2013: 390.279 triệu VND) được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 853.081 triệu VND (31/12/2013: 885.745 triệu VND và khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị tương đương 28.000 triệu VND).
 - (ii) Khoản vay 175 triệu USD từ J.P Morgan có giá trị tương đương 3.738.876 triệu VND (31/12/2013: 175 triệu USD tương đương là 3.689.000 triệu VND), trong đó 150 triệu Đô la tương đương 3.204.750 triệu VND được đảm bảo bằng Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa biên (“MIGA”), một thành viên của Ngân hàng Thế giới (31/12/2013: khoản vay 150 triệu USD tương đương 3.162.000 triệu VND). Các khoản vay 150 triệu USD và 25 triệu USD sẽ chịu lãi suất năm lần lượt là LIBOR + 3,5% và LIBOR + 4,5%, nếu được đảm bảo bởi Công ty, nếu không, chúng sẽ chịu lãi suất lần lượt là LIBOR + 4,5% và LIBOR + 5,5%. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả một lần vào ngày hết hạn, là ngày 15 tháng 8 năm 2016.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư của MSC vào các công ty con có giá trị ghi sổ là 1.709.804 VND (31/12/2013: 879.023 triệu) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay này.
- (b.1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản vay này phản ánh khoản vay được quyền chuyển đổi, với số tiền nợ gốc là 608.562 triệu VND, ký kết với International Finance Corporation (“IFC”), trong đó 38.562 triệu VND có thể chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay là 8% một năm từ ngày giải ngân đến ngày 15 tháng 4 năm 2012 và là 20,4% một năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày hết hạn cho phần khoản vay không được chuyển đổi. Lãi suất của khoản vay là 20,4% một năm cho phần khoản vay có thể được chuyển đổi từ ngày 15 tháng 4 năm 2013 đến ngày 15 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.
- (ii) IFC có thể thực hiện quyền chọn để chuyển đổi ở mức tối đa là 190.000 triệu VND, trong tổng nợ gốc và có thể yêu cầu Công ty niêm yết các cổ phiếu chuyển đổi này. Có hai kỳ chuyển đổi: kỳ đầu tiên bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc sau 36 tháng sau ngày 31 tháng 5 năm 2010, kỳ chuyển đổi thứ hai bắt đầu từ sau 36 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Lãi vay phải trả sẽ tiếp tục được trích trước và phân thanh toán cho phần phụ trội sẽ được trả cho các khoản vay chuyển đổi nếu IFC không thực hiện quyền chuyển đổi trong kỳ chuyển đổi đầu tiên. IFC đã chuyển đổi 151.438 triệu VND thành 3.521.803 cổ phiếu phát hành bởi Công ty vào tháng 6 năm 2012.

Vào tháng 8 năm 2014, IFC đã thực hiện quyền chọn để chuyển đổi phần có thể chuyển đổi còn lại của 38.562 triệu VND thành 896.802 cổ phiếu.

Vào tháng 12 năm 2014, Công ty đã thanh toán 570.000 triệu VND cộng lãi phải trả cho IFC.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (b.2) Khoản vay này từ Goldman Sachs Group, Inc. thông qua Công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited là khoản vay được quyền chuyển đổi bằng USD với nợ gốc là 30 triệu USD.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2% một năm và 6% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4% một năm và 4% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6% một năm và 2% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.
 - (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.
 - (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu.
 - (iv) Tập đoàn còn ký kết một hợp đồng với Công ty Cổ phần Ma San mà theo đó Công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một khoản tiền mặt là 30 triệu Đô la Mỹ cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.
- (c) Trái phiếu có đảm bảo trị giá 4.700 tỷ VND bao gồm các điều khoản sau:
- (i) 2.200 tỷ VND trái phiếu trong 600 tỷ VND có mức lãi suất năm là 3% cộng lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn và các khoản trái phiếu 1.600 tỷ VND có mức lãi suất năm là 1% cộng lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn. Các khoản lãi được thanh toán theo định kỳ sáu tháng kể từ ngày phát hành. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 22,3 triệu trái phiếu có thể chuyển đổi được phát hành bởi Techcombank.
 - (ii) 2.500 tỷ VND trái phiếu với thời gian đáo hạn 3 năm và chịu lãi suất năm là 12% trong năm đầu tiên, 12,5% trong năm thứ hai và 4% cộng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong năm thứ ba. MCH đã thế chấp 125 triệu cổ phiếu trong MSC cho các trái phiếu này.

Trái phiếu có đảm bảo của Tập đoàn 13.600 tỷ VND bao gồm 4.700 tỷ VND trái phiếu đã đề cập như trên và 6.800 tỷ VND trái phiếu còn lại với thời gian đáo hạn 5 năm và chịu lãi suất năm là 11,0% trong 12 tháng đầu tiên và lãi suất năm là 4% cộng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong những tháng còn lại. Trái phiếu này được đảm bảo bằng một số tài sản nhất định của một công ty con của Công ty. Phần còn lại bao gồm trái phiếu có đảm bảo 2.100 tỷ VND với thời gian đáo hạn là 10 năm với lãi suất năm là 8,0% trong 10 năm, được đảm bảo bằng Credit Guarantee and Investment Facility.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong năm, Công ty và Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản đối với các khoản vay trên.

- (d) Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Triệu VND	Tiền lãi thuê Triệu VND	Nợ gốc Triệu VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Triệu VND	Tiền lãi thuê Triệu VND	Nợ gốc Triệu VND
Trong vòng một năm	20.364	6.788	13.576	20.364	8.554	11.810
Trong vòng hai đến năm năm	43.861	6.633	37.228	62.661	12.828	49.833
	64.225	13.421	50.804	83.025	21.382	61.643

23. Dự phòng dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Dự phòng phí khai thác mỏ	588.373	-
Dự phòng chi phí phục hồi mỏ	19.485	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.689	3.252
	610.547	3.252

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau :

	<u>Tập đoàn</u>	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	3.252	1.381
Số trích lập dự phòng trong năm	-	3.252
Số đã trả dự phòng trong năm	(563)	-
Phân loại lại	-	(1.381)
Số dư đầu năm	2.689	3.252

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	-	178.608	-	178.608
Phát hành cổ phiếu mới do chuyển đổi công cụ nợ của một công ty con	297.704	1.602.460	-	-	-	-	1.900.164	-	1.900.164
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(1.624.121)	-	(1.056.440)	-	(2.680.561)	-	(2.680.561)
Giao dịch với lợi ích vốn chủ sở hữu trong MSC	-	-	-	-	675.965	-	675.965	2.519.479	3.195.444
Giảm lợi ích cổ đông thiếu số từ vốn cổ phần đã phát hành của MR	-	-	-	-	70.184	-	70.184	(311.116)	(240.932)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(26.970)	-	-	(26.970)	(13.518)	(40.488)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	451.200	451.200	856.024	1.307.224
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(24.876)	(24.876)
Phản bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(19.458)	(19.458)	(18.013)	(37.471)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.349.113	9.601.627	97.703	(43.098)	(8.929.770)	6.357.394	14.432.969	8.828.528	23.261.497

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	7.349.113	9.601.627	97.703	(43.098)	(8.929.770)	6.357.394	14.432.969	8.828.528	23.261.497
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi công cụ nợ (Thuyết minh 22(b)(i))	8.968	29.537	-	-	-	-	38.505	-	38.505
Tăng lợi ích vốn chủ sở hữu từ nhà đầu tư thiếu số	-	-	-	-	-	-	-	388.890	388.890
Giao dịch với cổ đông thiếu số trong MSC (Thuyết minh 14(c)(i))	-	-	-	-	(20.766)	-	(20.766)	(999.734)	(1.020.500)
Mua lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA từ cổ đồng thiếu số (Thuyết minh 14(c)(ii))	-	-	-	-	(349.327)	-	(349.327)	(1.152.733)	(1.502.060)
Bán lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA	-	-	-	-	349.327	(349.327)	-	-	-
Giao dịch với cổ đông thiếu số trong MR (Thuyết minh 14(c)(iii))	-	-	-	-	(192.216)	-	(192.216)	209.915	17.699
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.080.169	1.080.169	956.873	2.037.042
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.304.830)	(1.304.830)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(16.349)	(16.349)	(17.853)	(34.202)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	43.098	-	-	43.098	-	43.098
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.358.081	9.631.164	97.703	-	(9.142.752)	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

<u>Công ty</u>	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(242.703)	15.820.854
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	178.608
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ của công ty con	297.704	1.602.460	-	-	-	1.900.164
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(1.624.121)	(1.056.440)	-	(2.680.561)
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	-	(963.843)	(963.843)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	(1.206.546)	14.255.222
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	(1.206.546)	14.255.222
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ (Thuyết minh 25)	8.968	29.537	-	-	-	38.505
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.237.391	3.237.391
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.358.081	9.631.164	97.703	(1.586.675)	2.030.845	17.531.118

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113
Thặng dư vốn cổ phần	-	9.631.164	-	9.601.627

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	734.911.338	7.349.113	687.280.123	6.872.801
Phát hành cổ phiếu mới để thanh toán cho các công cụ nợ	896.802	8.968	29.770.465	297.704
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	17.860.750	178.608
Số dư cuối năm	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Hỗ trợ tín dụng từ công ty mẹ	2.450.353	97.703	2.450.353	97.703

Biến động vốn khác của chủ sở hữu trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu sẽ phát hành	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu sẽ phát hành	Triệu VND
Số dư đầu năm	2.450.353	97.703	31.173.935	1.721.824
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(28.723.582)	(1.624.121)
Số dư cuối năm	2.450.353	97.703	2.450.353	97.703

Trong năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay chuyển đổi 30 triệu USD (tương đương với số tiền là 624.840 triệu VND) với Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRG Limited với thời hạn là 4 năm.

Để tăng cường mức tín nhiệm tín dụng của Công ty và hỗ trợ giao dịch tài chính, công ty mẹ ký các thỏa thuận với Công ty và bên cho vay, mà theo đó công ty mẹ sẽ chấp nhận mọi rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua cổ phiếu chuyển đổi và thanh toán trực tiếp số nợ gốc và khoản lãi vay hoãn lại cho các bên cho vay trong trường hợp các bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu. Công ty mẹ không nhận bất kỳ khoản tiền công hay lợi ích nào khác trong việc hỗ trợ này cho Công ty.

Bên cạnh đó, thỏa thuận này còn bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Các khoản vay chuyển đổi có lãi suất năm là 5% trong năm thứ nhất, 6% trong năm thứ hai và thứ ba, và 7% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi. Lãi suất hoãn lại 10% tương ứng với tỷ lệ hoàn vốn thực tế được thanh toán nếu quyền chuyển đổi không được thực hiện; và
- (ii) Cổ phiếu được phát hành khi chuyển đổi (“Cổ phiếu chuyển đổi”) có thể được xác định căn cứ vào giá chuyển đổi ban đầu là 85.000 VND một cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và các điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số lượng Cổ phiếu chuyển đổi tối đa sẽ là 9,6 triệu cổ phiếu. Số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu là 7,5 triệu cổ phiếu, được coi như một công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty đã mua lại hai phần ba của khoản vay chuyển đổi có giá trị là 30 triệu USD của Công ty MRG Limited, dẫn đến việc số lượng cổ phiếu chuyển đổi tối đa giảm xuống còn 3,2 triệu và số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu đã giảm xuống còn 2,5 triệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

27. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán Thành phẩm	16.257.544	12.014.694	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	89.032	91.295	-	-
	16.346.576	12.105.989	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(192.121)	(132.659)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(65.819)	(30.797)	-	-
	(257.940)	(163.456)	-	-
	16.088.636	11.942.533	-	-

28. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	9.417.828	6.908.667	-	-
▪ Dịch vụ đã cung cấp	7.235	1.286	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	63.945	33.243	-	-
	9.489.008	6.943.196	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi từ:				
• Tiền gửi	372.720	366.146	26.318	53.775
• Cho công ty con vay	-	-	775.095	1.173.363
• Cho bên thứ ba vay	32.233	25.395	-	-
Bắt lợi thương mại từ việc mua công ty con	-	213.963	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	34.859	57.703	753	8.094
Lãi do bán các khoản đầu tư trong công ty con	1.111.073	-	286.587	-
Thu nhập từ cổ tức	-	-	3.169.052	-
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	16.772	-	-	-
Doanh thu tài chính khác	3.310	914	1.700	-
	1.570.967	664.121	4.259.505	1.239.232

30. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	451.685	215.388	-	-
• Các trái chủ	1.013.037	201.990	689.200	537.210
• Công ty con	-	-	220.087	1.176.049
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	95.933	34.274	14	79
Lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	48.704	-	-	-
Chi phí tài chính khác	101.632	155.133	13.273	155.124
	1.710.991	606.785	922.574	1.868.462

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thu từ bán phế liệu	42.630	29.660	-	-
Thu từ bán các bồi thường	256.200	-	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	68.603	1.573	59.486	-
Bồi thường chi phí công trường từ nhà thầu	-	48.956	-	-
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	9.107	19.289	-	-
Khác	28.747	6.330	8.443	2.983
	405.287	105.808	67.929	2.983

32. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí bán phế liệu	23.085	25.158	-	-
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản khác đã thanh lý	75.509	9.094	58.701	-
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản khác đã xóa sổ	3.070	343	2.217	-
Chi phí liên quan đến bán các bồi thường	34.297	-	-	-
Chi phí công trường từ nhà thầu	-	43.555	-	-
Khác	22.943	6.939	-	-
	158.904	85.089	60.919	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Lỗ từ các công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>	
	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	610.246	504.755
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(663.307)	(697.536)
	(53.061)	(192.781)

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	970.348	599.382	-	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	(11.671)	(19.571)	-	-
	958.677	579.811	-	-
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoãn nhập chênh lệch tạm thời	(242.480)	121.713	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(13.508)	4.696	-	-
	(255.988)	126.409	-	-
Chi phí thuế thu nhập	702.689	706.220	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Tập đoàn

	2014		2013	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	100%	2.739.731	100%	2.013.444
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	602.741	25,00%	503.361
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(5,71%)	(156.466)	(11,85%)	(238.601)
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ trong tập đoàn	5,46%	149.703	3,96%	79.714
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,20%	5.233	4,44%	89.160
Ảnh hưởng của kết quả thuần từ các công ty liên kết	0,43%	11.673	2,39%	48.195
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	5,42%	148.612	11,88%	239.266
Dự phòng thừa trong những năm trước	(0,43%)	(11.671)	(0,97%)	(19.571)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(0,49%)	(13.508)	0,23%	4.696
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(1,23%)	(33.628)	-	-
	25.65%	702.689	35,08%	706.220

Công ty

	2014		2013	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	100%	3.237.391	100%	(963.843)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	712.226	(25,00%)	(240.961)
Thu nhập miễn thuế	(21,54%)	(697.191)	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,01%	19	2,47%	23.798
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(0,63%)	(20.480)	-	-
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	0,16%	5.426	22,53%	217.163
	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp (“TTNDN”) bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc Proconco	Cổ tức phải thu	80.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Phí thanh toán hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	-	130.029
	Các khoản vay nhận trong năm	1.035.382	-
	Chi phí lãi từ các khoản vay trong năm	20.042	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	41.417	46.704

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2014 và 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty

Công ty liên quan	Bản chất giao dịch	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Các công ty con			
Công ty Cổ phần	Khoản vay nhận từ công ty con	735.000	4.410.000
Hàng Tiêu Dùng Ma San	Thanh toán khoản vay cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác	7.709.298	-
	Thanh toán chi phí lãi cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác	2.831.626	-
	Thu nhập từ cổ tức	1.240.800	-
	Chi phí lãi từ khoản vay dài hạn	222.980	1.176.049
	Mua một công ty con	1.246.496	-
Công ty Cổ phần	Khoản vay cấp cho công ty con	941.588	3.015.089
Tầm nhìn Ma San	Thu nhập lãi cho vay	475.115	60.609
Công ty Cổ Phần Tài	Thu nhập lãi cho vay	141.527	441.427
Nguyên Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con	-	1.140.000
	Khoản cho vay thu từ công ty con	-	930.000
Công ty TNHH Khai Thác	Thu nhập lãi cho vay	123.664	649.933
Chế Biến Khoáng Sản	Khoản vay cấp cho công ty con	210.000	-
Núi Pháo			
Công ty TNHH	Khoản vay cấp cho công ty con	475.657	424.788
Một Thành Viên	Khoản cho vay thu từ công ty con	452.577	-
Masan Brewery	Thu nhập lãi cho vay	32.436	25.394
	Khoản cho vay thu từ cán trừ vốn góp	368.300	-
Công ty TNHH	Chuyển cổ phần của một công ty con cho một công ty con khác	4.409.682	6.949.241
Một Thành Viên	Thu nhập từ cổ tức	1.928.252	-
MasanConsumerHoldings	Khoản vay cấp cho công ty con	194.465	-
	Khoản cho vay thu từ công ty con	194.465	-
	Thu nhập lãi cho vay	2.353	-
Các bên liên quan khác			
Ngân hàng TMCP	Phí thanh toán hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	-	130.029
Kỹ Thương Việt Nam			
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	3.518	7.796

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2014 và 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 1.080.169 triệu VND (2013: 451.200 triệu VND) của Tập đoàn và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 746.740.068 cổ phiếu trong năm (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 730.364.689 cổ phiếu).

Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, cổ phiếu có thể được phát hành sau một thời gian xác định được coi là cổ phiếu đang lưu hành kể từ ngày phát sinh quyền đối với các cổ phiếu này được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.080.169	451.200

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014	2013
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	734.911.338	687.280.123
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền	-	10.520.716
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho trái phiếu, nợ vay và Hối phiếu nhận nợ	378.377	5.138.464
Ảnh hưởng của việc mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	-	15.975.033
Ảnh hưởng của cổ phiếu sẽ phải phát hành qua thời gian	11.450.353	11.450.353
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối năm	746.740.068	730.364.689

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	1.080.169	451.200
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số thuần sau thuế	-	(98.681)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông	1.080.169	352.519

Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm không ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (2013: 98.681 triệu VND).

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2014	2013
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (cơ bản)	746.740.068	730.364.689
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm	15.048.569	90.973.076
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)	761.788.637	821.337.765

37. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	358.541	1.781.158	-	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.898.417	486.732	-	-
	2.256.958	2.267.890	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng một năm	39.061	103.267	6.766	15.795
Từ hai đến năm năm	38.729	40.098	7.201	-
Trên năm năm	3.676	-	-	-
	81.466	143.365	13.967	15.795

(c) Phí quyền khai thác

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngha ("Kronfa"), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty, nhận được thông báo nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ cơ quan thuế địa phương. Căn cứ theo thông báo này, Kronfa được yêu cầu phải thanh toán phí cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 23.684 triệu VND đối với trữ lượng khai thác được cấp đến ngày 31 tháng 12 năm 2032.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2015, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("VHC"), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty, nhận được Giấy phép mới khai thác nước khoáng từ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ theo Giấy phép mới này, VHC được yêu cầu phải thanh toán phí cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 49.433 triệu VND đối với trữ lượng khai thác được cấp trong 30 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2015. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, VHC vẫn chưa nhận được thông báo nào từ cơ quan thuế địa phương.

38. Thù lao bằng cổ phiếu

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Sự phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Một công ty con của Công ty, MSC, có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Kế hoạch này đã được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Theo nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 9 tháng 5 năm 2014, các cổ đông đã quyết định phát hành 3.990.412 cổ phiếu cho nhân viên và hoàn tất việc phát hành này vào ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Một công ty con khác của Công ty, MR, có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu định kỳ cho những nhân viên có thành tích tốt. Trong năm 2013, 13.392.857 cổ phiếu của công ty con đã được phát hành cho thành viên Ban Giám đốc. 20.866.429 cổ phiếu có thể được phát hành cho thành viên Ban Giám đốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Quản lý rủi ro tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng với Tập đoàn và Công ty, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản tiền gửi ngân hàng, các đảm bảo phát hành cho ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay của các đơn vị trong Tập đoàn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Bảng sau phản ánh rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn và Công ty:

	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	5.164.983	5.695.196	517.127	1.378.809
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(ii)	4.042.212	3.287.000	239.614	-
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	(iii)	4.840.388	1.065.085	11.272.052	13.628.961
Các khoản đầu tư dài hạn khác	(ii)	144.050	-	-	-
Đảm bảo đã phát hành	(iv)	65.884	-	3.738.876	4.848.400
		14.257.517	10.047.281	15.767.669	19.856.170

(*) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác bao gồm các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn.

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được gửi tại các tổ chức tài chính theo quy định. Các khoản đầu tư và các giao dịch bao gồm các công cụ tài chính phái sinh chỉ được phép thực hiện với các bên đối tác sau khi được Ban Giám đốc đánh giá. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này hoặc các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Ảnh hưởng rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu ảnh hưởng bởi đặc điểm của từng khách hàng hoặc một bên đối tác. Đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn giao dịch với các khách hàng bằng tiền mặt theo các điều khoản bàn giao. Trong trường hợp khách hàng được cấp điều kiện tín dụng, Ban Giám đốc sẽ thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác phản ánh mức độ ảnh hưởng rủi ro tín dụng tối đa.

Tập đoàn lập dự phòng phải thu khó đòi phản ánh ước tính khoản lỗ phát sinh liên quan đến các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	1.784	378
Tăng dự phòng trong năm	501	1.493
Sử dụng dự phòng trong năm	(151)	(57)
Hoàn nhập	(70)	(30)
Số dư cuối năm	2.064	1.784

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không có khoản phải thu dự phòng nợ khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	<u>Tập đoàn</u>				<u>Công ty</u>			
	31/12/2014		31/12/2013		31/12/2014		31/12/2013	
	Gộp	Lỗ giảm giá	Gộp	Lỗ giảm giá	Gộp	Lỗ giảm giá	Gộp	Lỗ giảm giá
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong hạn	4.675.644	-	1.046.732	-	11.272.052	-	13.628.961	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	126.643	-	16.472	-	-	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	38.557	(456)	2.715	(834)	-	-	-	-
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	537	(537)	950	(950)	-	-	-	-
Quá hạn trên 365 ngày	1.071	(1.071)	-	-	-	-	-	-
	4.842.452	(2.064)	1.066.869	(1.784)	11.272.052	-	13.628.961	-

(iv) Các đảm bảo

Công ty có rủi ro tín dụng đối với các khoản đảm bảo với các ngân hàng cho các khoản vay của công ty con, MSC (xem Thuyết minh 22(a)(ii)) và bên thứ ba, MVP, trước đây được Tập đoàn nắm giữ.

Rủi ro này phản ánh khoản lỗ sẽ được ghi nhận khi các bên đi vay mất khả năng thanh toán với bên cho vay. Để loại bỏ rủi ro này, Ban Giám đốc tiếp tục duy trì sự giám sát hiệu quả hoạt động của công ty con và bên thứ ba mà nó bảo lãnh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn và Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất có thể rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, bất kể điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn, mà không phát sinh hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của Tập đoàn.

Thông thường Tập đoàn đảm bảo đủ lượng tiền để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến, như thảm họa thiên nhiên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Vay ngắn hạn	5.329.971	(5.394.075)	(5.394.075)	-	-	-
Phải trả người bán	999.340	(999.340)	(999.340)	-	-	-
Phải trả nhân viên	258	(258)	(258)	-	-	-
Chi phí phải trả	1.862.531	(1.862.531)	(1.862.531)	-	-	-
Khoản phải trả ngắn hạn khác không bao gồm quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.866.738	(1.866.738)	(1.866.738)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	4.183.657	(4.742.250)	(354.276)	(4.244.400)	(143.574)	-
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	14.167.960	(19.971.583)	(1.334.805)	(5.265.040)	(10.431.255)	(2.940.483)
	28.410.455	(34.836.775)	(11.812.023)	(9.509.440)	(10.574.829)	(2.940.483)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Vay ngắn hạn	4.245.567	(4.317.179)	(4.317.179)	-	-	-
Phải trả người bán	942.375	(942.375)	(942.375)	-	-	-
Phải trả nhân viên	20.387	(20.387)	(20.387)	-	-	-
Chi phí phải trả	1.578.366	(1.578.366)	(1.578.366)	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	83.313	(83.313)	(83.313)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	8.755.044	(10.561.743)	(2.757.462)	(1.821.077)	(5.414.967)	(568.237)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	5.876.522	(7.757.035)	(638.651)	(1.464.394)	(5.653.990)	-
	21.501.574	(25.260.398)	(10.337.733)	(3.285.471)	(11.068.957)	(568.237)

Công ty:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Phải trả người bán	1.451	(1.451)	(1.451)	-	-
Chi phí phải trả	215.239	(215.239)	(215.239)	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.555.324	(1.555.324)	(1.555.324)	-	-
Vay và nợ dài hạn không bao gồm các công cụ nợ phái sinh	14.580	(14.580)	-	(14.580)	-
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	5.267.960	(6.263.385)	(1.166.805)	(5.096.580)	-
	7.054.554	(8.049.979)	(2.938.819)	(5.111.160)	-

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Vay ngắn hạn	2.123.200	(2.325.789)	(2.325.789)	-	-
Phải trả người bán	9.286	(9.286)	(9.286)	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	883.439	(883.439)	(883.439)	-	-
Chi phí phải trả	479.911	(479.911)	(479.911)	-	-
Vay và nợ dài hạn	8.039.236	(11.352.419)	(886.865)	-	(10.465.554)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	5.876.522	(7.757.035)	(638.651)	(1.464.394)	(5.653.990)
	17.411.594	(22.807.879)	(5.223.941)	(1.464.394)	(16.119.544)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban Giám đốc không kỳ vọng rằng các dòng tiền được trình bày trên bảng phân tích khả năng đảo hạn của Tập đoàn và Công ty có thể phát sinh sớm hơn một cách đáng kể, hoặc có những giá trị chênh lệch đáng kể.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn và Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái đối với các giao dịch bán hàng, mua hàng và các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Loại tiền tệ sử dụng trong các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD), Đồng Euro (EUR). Đô la Úc (AUD), Đô la Sing (SGD), Thai Baht (THB), và Đồng Nhân dân tệ (CNY).

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả tiền tệ có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn là đảm bảo mức rủi ro tiền tệ thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn và Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Tập đoàn						Công ty
	USD	EUR	AUD	SGD	THB	CNY	USD
Ngày 31 tháng 12 năm 2014							
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.141.772	179.401	-	-	-	-	7.064
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	18.276.662	-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(3.805.647)	(3.003.750)	(1.200.202)	(138.555)	(3.380.904)	(1.955.251)	(302.466)
Chi phí phải trả	(2.631.637)	-	-	-	-	-	-
Vay ngắn hạn	(52.283.698)	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	(175.000.000)	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	(700.000)
	(206.302.548)	(2.824.349)	(1.200.202)	(138.555)	(3.380.904)	(1.955.251)	(995.402)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Tập đoàn					Công ty	
	USD	AUD	EUR	SGD	THB	USD	SGD
Ngày 31 tháng 12 năm 2013							
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.222.114	-	7.547	621	-	6.945	621
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	5.365.602	-	-	-	-	41.913.397	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-	-	20.357.884	-
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(7.827.788)	(2.203.117)	(31)	-	(13.733.722)	(41.913.397)	-
Vay ngắn hạn	(45.955.726)	-	(37.345)	-	-	(100.000.000)	-
Vay dài hạn	(277.281.875)	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	(1.300.000)	-	-	-	-	(1.300.000)	-
	(299.777.673)	(2.203.117)	(29.829)	621	(13.733.722)	(80.935.171)	621

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm khoản phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

(**) Phải trả người bán và phải trả khác gồm khoản phải trả người bán, phải trả nhân viên, chi phí phải trả và phải trả ngắn hạn khác.

Bảng sau đây trình bày những tỷ giá hối đoái chính áp dụng bởi Tập đoàn và Công ty:

	Tập đoàn		Công ty	
	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2014	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2013	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2014	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
1 USD	21.365	21.080	21.365	21.080
1 AUD	17.291	18.697	-	-
1 EUR	25.702	28.890	-	-
1 SGD	15.974	16.342	-	16.342
1 THB	634	631	-	-
1 CNY	3.395	3.463	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty thông qua sự biến động của các loại tiền tệ sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các yếu tố khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	<u>Tập đoàn</u> Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2014 Triệu VND	<u>Công ty</u> Tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) trước thuế tại 31/12/2014 Triệu VND
USD (tăng lên 1%)	(44.077)	(288)
AUD (giảm đi 8%)	1.660	-
EUR (giảm đi 11%)	7.985	-
SGD (giảm đi 2%)	44	-
THB (tăng lên 1%)	(21)	-
CNY (giảm đi 2%)	133	-

	<u>Tập đoàn</u> Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2013 Triệu VND	<u>Công ty</u> Giảm lỗ trước thuế tại 31/12/2013 Triệu VND
USD (tăng lên 1%)	(63.193)	(17.061)
AUD (giảm đi 13%)	5.355	-
EUR (tăng lên 5%)	(43)	-
SGD (giảm đi 3%)	(1)	(1)
THB (giảm đi 5%)	433	-

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Tập đoàn và Công ty tại ngày lập báo cáo.

Rủi ro lãi suất

Mức biến động lãi suất của Tập đoàn và Công ty chủ yếu liên quan đến tài sản tài chính và nợ phải trả có lãi suất thả nổi. Rủi ro lãi suất được quản lý bởi Tập đoàn và Công ty trên cơ sở liên tục với mục tiêu chính là giảm thiểu chi phí lãi vay có khả năng chịu ảnh hưởng bởi các biến động bất lợi về lãi suất.

Tập đoàn và Công ty không sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro biến động về lãi suất đối với các khoản vay chịu lãi suất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày báo cáo, tình hình lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn và Công ty như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ chịu lãi suất cố định				
Các khoản tương đương tiền				
(Thuyết minh 7)	4.863.445	5.494.986	507.350	1.367.448
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 14)	4.042.212	3.287.000	239.614	-
Đầu tư dài hạn khác				
(Thuyết minh 14)	144.050	-	-	-
Khoản vay phải thu ngắn hạn từ công ty con (Thuyết minh 8)	-	-	2.172.319	2.172.319
Khoản vay phải thu dài hạn từ bên thứ ba (Thuyết minh 8)	-	424.788	-	-
Khoản vay phải thu dài hạn từ các công ty con (Thuyết minh 8)	-	-	2.283.927	1.477.557
Khoản vay từ một công ty con – dài hạn (Thuyết minh 22)	-	-	-	(6.286.800)
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18)	(3.568.345)	(1.956.485)	-	(2.123.200)
Vay dài hạn (Thuyết minh 22)	(2.667.960)	(5.208.722)	(567.960)	(4.276.522)
	2.813.402	2.041.567	4.635.250	(7.669.198)
Công cụ chịu lãi suất thả nổi				
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 7)	301.538	200.210	9.777	11.361
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18)	(1.761.626)	(1.389.907)	-	-
Vay dài hạn (Thuyết minh 22)	(15.566.317)	(9.248.717)	(4.700.000)	(1.600.000)
	(17.026.405)	(10.438.414)	(4.690.223)	(1.588.639)

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Tập đoàn và Công ty lần lượt là 170.026 triệu VND (31/12/2013: 104.384 triệu VND) và 46.902 triệu VND (31/12/2013: 15.886 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Ước tính giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và nợ phải trả tài chính khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính ngắn hạn của các công cụ này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, các đảm bảo đã phát hành và các quyền chọn mua và bán

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(e) Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ tài chính

Bảng sau đây tóm tắt giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ tài chính cùng được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phân loại của Thông tư 210 như sau:

Tập đoàn:

	Thuyết minh	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Đầu tư ngắn hạn	14	-	-	4.042.212	-	4.042.212
Đầu tư dài hạn khác	14	3.600	-	144.050	-	147.650
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	8	-	-	4.835.676	-	4.835.676
Phải thu dài hạn khác	8	-	-	4.712	-	4.712
Tiền và các khoản tương đương tiền	7	-	-	5.166.415	-	5.166.415
		3.600	-	14.193.065	-	14.196.665
Vay ngắn hạn	18	-	-	-	(5.329.971)	(5.329.971)
Vay và nợ dài hạn (***)	21, 22	-	(60.561)	-	(4.183.657)	(4.244.218)
Trái phiếu/khoản vay có đảm bảo	22	-	-	-	(14.167.960)	(14.167.960)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	-	(4.728.867)	(4.728.867)
		-	(60.561)	-	(28.410.455)	(28.471.016)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Thuyết minh	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Đầu tư ngắn hạn	14	-	-	3.287.000	-	3.287.000
Đầu tư dài hạn khác	14	3.600	-	-	-	3.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	8	-	-	614.902	-	614.902
Phải thu dài hạn khác	8	-	-	450.183	-	450.183
Tiền và các khoản tương đương tiền	7	-	-	5.698.563	-	5.698.563
		3.600	-	10.050.648	-	10.054.248
Vay ngắn hạn	18	-	-	-	(4.245.567)	(4.245.567)
Vay và nợ dài hạn (***)	21, 22	-	(60.561)	-	(8.755.044)	(8.815.605)
Trái phiếu/khoản vay có đảm bảo	22	-	-	-	(5.876.522)	(5.876.522)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	-	(2.624.441)	(2.624.441)
		-	(60.561)	-	(21.501.574)	(21.562.135)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty:

			Giá trị hợp lý thông qua báo cáo Thuyết kết quả hoạt động minh	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014							
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	8	-	6.255.803	-	6.255.803		
Phải thu dài hạn khác	8	-	5.016.249	-	5.016.249		
Đầu tư ngắn hạn	14	-	239.614	-	239.614		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7	-	517.251	-	517.251		
			-	12.028.917	-	12.028.917	
Nợ dài hạn (***)	21	(60.561)	-	(14.580)	(75.141)		
Trái phiếu/khoản vay có đảm bảo	22	-	-	(5.267.960)	(5.267.960)		
Vay ngắn hạn	18	-	-	-	-		
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	(1.772.014)	(1.772.014)		
			(60.561)	-	(7.054.554)	(7.115.115)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Thuyết minh	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	8	-	10.753.946	-	10.753.946
Phải thu dài hạn khác	8	-	2.875.015	-	2.875.015
Tiền và các khoản tương đương tiền	7	-	1.379.279	-	1.379.279
		-	15.008.240	-	15.008.240
Vay và nợ dài hạn (***)	21,22	(60.561)	-	(8.039.236)	(8.099.797)
Trái phiếu/khoản vay có đảm bảo	22	-	-	(5.876.522)	(5.876.522)
Vay ngắn hạn		-	-	(2.123.200)	(2.123.200)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	(1.372.636)	(1.372.636)
		(60.561)	-	(17.411.594)	(17.472.155)

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

(**) Phải trả người bán và phải trả khác gồm phải trả người bán, phải trả nhân viên, chi phí phải trả và phải trả ngắn hạn khác.

(***) Vay và nợ dài hạn gồm vay dài hạn và nợ dài hạn khác.

40. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Sài Gòn Nutri thông qua một công ty con – Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San với tổng số tiền thanh toán là 200.000 triệu VND chưa bao gồm phí giao dịch.

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch